

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/ HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 02 năm 2024
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Khưu Liên Dung
Bà Dư Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lữ Lâm Thanh T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
- Bị đơn: Anh Trần Phúc K, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lữ Lâm Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Phúc K tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/6/2005. Quá trình vợ chồng chung sống tình cảm ban đầu hòa thuận đến cuối năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do anh K không chịu làm ăn để có tiền lo cho vợ con và vợ chồng chị đã ly thân

từ năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Gia P, sinh ngày 21/8/2007 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 05/3/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung (Hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị T).

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Phúc K được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần, nhưng anh K vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, chị T và anh K chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã ly thân năm 2015 đến nay nên việc chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung (Hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị T) và 02 cháu có ý kiến muốn sống cùng mẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh K nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh K, hiện đang cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T và bị đơn là anh K theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/6/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân

hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh K thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn hiện nay đã trầm trọng. Hơn nữa, chị T và anh K đã sống ly thân năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết việc chị T xin ly hôn, anh K biết việc chị T xin ly hôn nhưng anh K không quan tâm và bỏ mặc để chị T tự giải quyết. Thể hiện anh K cũng không còn quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T và cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là cháu Trần Gia P, sinh ngày 21/8/2007 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 05/3/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung (Hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị T). Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 cháu Gia P và Hoàng P đang sống cùng chị T và 02 cháu có nguyện vọng sống với mẹ nên có cơ sở giao cháu 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 5, 28, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/. Về hôn nhân: Xử cho chị Lữ Lâm Thanh T được ly hôn với anh Trần Phúc K.
- 2/. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Gia P, sinh ngày 21/8/2007 và cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 05/3/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
- 4/. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 5/. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lữ Lâm Thanh T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002107 ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bạc Liêu;
- THA TP. Bạc Liêu;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Yến Nhi